

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAN LỘC
TỈNH HÀ TĨNH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2018/HSST

Ngày: 29/01/2018.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAN LỘC - HT
Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Khắc H1

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Văn Nhạ.

2. Ông Võ Quốc Linh.

Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh - Thư ký Toà án nhân dân huyện CL.

Đại diện VKSND huyện CL tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Phương Anh - Kiểm sát viên.

Vào lúc 07 giờ 30 phút ngày 29/01/2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện CL mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 02/2018/TLST ngày 15/01/2018 đối với bị cáo:

Trần Phúc T - Sinh ngày 06/3/1998

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Khối 10, thị trấn N, huyện CL, tỉnh HT.

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên Chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 09/12

Con ông: Trần Phúc H1 (1966); Con bà: Nguyễn Thị Q (1973)

Đều làm ruộng và trú tại khối 10, thị trấn N, huyện CL, tỉnh HT.

Anh chị em ruột: Có 04 người con, bị cáo là con thứ 2.

Vợ, con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam tại trại giam Công an tỉnh HT từ ngày 30/11/2017 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*** Người bị hại:**

- Anh Lê Tuấn A - Sinh năm 1993.

Nghề nghiệp: Kinh doanh.

Trú tại: Khối 7, thị trấn N, huyện CL, tỉnh HT (Có mặt).

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

- Chị Nguyễn Thị T - Sinh năm 1980 - Nghề nghiệp: Kinh doanh (Vắng mặt)

- Bà Nguyễn Thị Q - Sinh năm 1973 - Nghề nghiệp: Làm ruộng.

Trú tại: Khối 10, thị trấn N, huyện CL, tỉnh HT(Có mặt).

*** Người làm chứng:**

- **Nguyễn Đình H-** Sinh năm 2000 - Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Trú tại: Xóm TL, TL, CL, HT(Vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của người làm chứng: Bà Võ Thị Xuân - Sinh năm 1974 (Mẹ đẻ Nguyễn Đình H) - Nghề nghiệp Làm ruộng.

Trú tại: Xóm TL, TL, CL, HT(Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mối quan hệ bạn bè thân thiết, Trần Phúc T đã nhiều lần đến quán Internet của anh Lê Tuấn A (Sinh năm 1993) tại khối 7, Thị trấn N, huyện CL để chơi điện tử và sau đó ngủ tại phòng ngủ của anh Tuấn A. Sau vài lần quan sát khi anh Tuấn A vặn mật khẩu để mở kết sắt trong phòng ngủ thì T biết được mật khẩu kết sắt. Tối ngày 22/11/2017, anh Tuấn A có việc đi Hà Nội nên giao quán lại cho anh Nguyễn Đình H(Sinh năm 2000; trú tại xóm TL, xã TL, huyện CL) quản lý. Tối ngày 23/11/2017, T đến chơi điện tử và sau đó vào ngủ tại phòng ngủ của anh Tuấn A. Sáng hôm sau, khi thấy không có ai để ý, T lấy chìa khóa kết sắt mà anh Tuấn Anh treo trên tường trong phòng ngủ, dùng chìa khóa mở và sau đó vặn mật khẩu của chiếc kết sắt ở góc phòng. T nhìn vào phía trong kết thì thấy có 01 chiếc dây chuyền và 01 chiếc lắc tay đều bằng vàng, T cầm lấy chiếc lắc tay ra cất vào túi áo, sau đó khóa kết lại và treo chìa khóa vào chỗ cũ. Sau đó, T đưa chiếc lắc tay vừa lấy trộm được đến cửa hàng kinh doanh vàng bạc Kim Nhật H1 của chị Nguyễn Thị T ở khối 5, Thị trấn N, huyện CL để bán. Khi chị T hỏi chiếc lắc tay của ai thì T bảo rằng đó là lắc tay của mình, do cần tiền tiêu xài nên đưa bán. Sau một lúc kiểm tra và xác định chiếc lắc tay đó bằng vàng 14K, trọng lượng 7,58 chỉ, chị T thỏa thuận giá mua bán chiếc lắc tay này là 12.700.000 đồng, T đồng ý. Chiếc lắc tay này sau đó ít ngày chị T đã bán lại cho một người khách (không rõ họ tên, địa chỉ). Số tiền bán chiếc lắc tay này T đã dùng để trả nợ và tiêu xài cá nhân hết.

Bản kết luận định giá tài sản số 19/KL-HĐĐG ngày 05/12/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong TTHS huyện CL xác định: Tại thời điểm bị chiếm đoạt, chiếc lắc tay bằng vàng 14K, trọng lượng 7,58 chỉ trị giá 13.037.600 đồng (*Mười ba triệu không trăm ba mươi bảy nghìn sáu trăm đồng*).

Tại cơ quan điều tra, trên cơ sở đơn trình báo của người bị hại Lê Tuấn A, Trần Phúc T đã thừa nhận ngoài hành vi trộm cắp tài sản ngày 24/11/2017, cũng

với cách thức như trên, trong khoảng thời gian đầu năm 2017 Trần Phúc T đã 05 lần mở két sắt để lấy trộm tổng số tiền 35.000.000 đồng của anh Lê Tuấn A. Cụ thể:

Lần thứ nhất: Khoảng 8 giờ ngày 31/01/2017 (tức ngày mùng 4 Tết năm 2017), sau khi chơi điện tử tại quán Internet của anh Lê Tuấn A, lợi dụng lúc không ai để ý, T lấy chìa khóa két treo trên tường trong phòng ngủ của anh Tuấn Anh để mở két và vụn mật khẩu, lấy trộm số tiền 10.000.000 đồng.

Lần thứ hai: Sau lần thứ nhất khoảng 1 tuần, T mở két sắt của anh Tuấn A lấy trộm số tiền 5.000.000 đồng.

Lần thứ ba: Sau lần thứ hai khoảng 5 ngày, T mở két sắt của anh Tuấn A lấy trộm số tiền 8.000.000 đồng.

Lần thứ tư: Sau lần thứ ba khoảng 3 ngày, T mở két sắt của anh Tuấn A lấy trộm số tiền 10.000.000 đồng.

Lần thứ năm: Sau lần thứ tư khoảng 2 tuần, T mở két sắt của anh Tuấn A lấy trộm số tiền 2.000.000 đồng. Khi vừa cất tiền vào túi áo và khóa két sắt lại thì T bị anh Tuấn A phát hiện. Lúc đó, T đã trả lại cho anh Tuấn A số tiền vừa lấy trộm. Khi anh Tuấn A hỏi có phải T là người đã lấy trộm tiền trong két của anh trong 04 lần trước không, T đã thừa nhận hành vi của mình. Sau đó, T và mẹ là bà Nguyễn Thị Q đã đến xin lỗi và trả lại cho anh Tuấn A số tiền 15.500.000 đồng. T xin anh Tuấn A không trình báo Công an và cho T thêm thời gian để trả hết số tiền còn lại và được anh Tuấn A đồng ý.

*** Về trách nhiệm dân sự:**

Quá trình điều tra, giải quyết vụ án, Bà Nguyễn Thị Q - Mẹ Trần Phúc T đã thay mặt bị cáo bồi thường cho người bị hại Lê Tuấn A tổng số tiền 35.500.000 đồng. Trong quá trình chuẩn bị xét xử đã bồi thường tiếp số tiền còn thiếu theo yêu cầu bị hại là 10.537.600 đồng. Người bị hại không yêu cầu gì thêm về dân sự

Với hành vi trên Trần Phúc T bị VKSND huyện CL, tỉnh HT truy tố về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 điều 138 BLHS năm 1999 tại cáo trạng số 02 ngày 12/1/2018. Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị HĐXX:

Áp dụng khoản 1 điều 138; điểm g khoản 1 điều 48; điểm b, p khoản 1, khoản 2 điều 46 BLHS năm 1999, xử phạt bị cáo tù 24 - 30 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 30/11/2017.

Về trách nhiệm dân sự: Gia đình bị cáo đã thay bị cáo bồi thường đầy đủ cho bị hại, bị hại không yêu cầu gì thêm nên đề nghị miễn xét.

Bị cáo nhất trí như truy tố cũng như luận tội, đề xuất của đại diện Viện kiểm sát, ý kiến người bị hại, người liên quan, bị cáo hối hận, nhận thức rõ sai phạm nên xin Hội đồng xét xử khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt.

Người bị hại không có tranh luận, không yêu cầu gì về bồi thường và xin giảm nhẹ, xử phạt mức thấp nhất đối với bị cáo.

Người liên quan Nguyễn Thị Q không có tranh luận, không có yêu cầu gì và tha thiết xin Hội đồng xét xử khoan hồng, giảm nhẹ cho bị cáo.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo là khách quan, phù hợp với cáo trạng truy tố, lời khai người bị hại, người liên quan, người làm chứng cũng như các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Vì vậy đã có đủ căn cứ để kết luận: Do quan hệ bạn bè thân thiết bị cáo thường đến quán điện tử của anh Lê Tuấn A tại khối 7, Thị trấn N, huyện CL để chơi điện tử và nhiều lần ngủ lại quán. Quá trình này T để ý nên đã nhớ được mật khẩu mở kết sắt của anh Tuấn A. Tối 23/11/2017 sau khi chơi điện tử tại quán của anh Lê Tuấn Anh, Trần Phúc T đã ngủ lại quán. Sáng 24/11/2017 khi ngủ dậy, lợi dụng chủ quán đi vắng, người coi quán không để ý, T đã tìm lấy chìa khóa kết treo trên tường phòng ngủ của anh Tuấn A mở kết lấy trộm một chiếc lắc tay bằng vàng đưa đi bán cho chị Nguyễn Thị T, chủ tiệm vàng Kim Nhật H1 tại khối 5, thị trấn N với giá 12.700.000 đồng tiêu xài cá nhân. Khi mua chị T đã kiểm tra xác định chiếc lắc tay đó là vàng 14K, có trọng lượng 7,58 chỉ. Theo kết quả xác minh, định giá của cơ quan chức năng, chiếc lắc tay bằng vàng nói trên trị giá 13.037.600 đồng. Ngoài ra trên cơ sở trình báo của bị hại, Trần Phúc T còn khai nhận và thừa nhận vào cuối tháng 1/2017 và đầu tháng 2/2017 trong những khoảng thời gian khác nhau đã 05 lần mở trộm kết của anh Lê Tuấn A chiếm đoạt số tiền 35.000.000 đồng tiêu xài cá nhân, số lần và số tiền cụ thể mỗi lần bị cáo lấy trộm như cáo trạng đã nêu. Trong đó lần thứ 5 bị cáo lấy trộm 2.000.000 đồng thì bị anh Tuấn A bắt quả tang và lấy lại 2.000.000 đồng đó. Sau sự việc xảy ra Trần Phúc T và mẹ là Nguyễn Thị Q đã đến xin lỗi và hoàn trả cho anh Lê Tuấn A được 15.500.000 đồng. Như vậy tổng giá trị tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt của anh Lê Tuấn A là **48.037.600 đồng**.

Hành vi trên của bị cáo Trần Phúc T đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Hành vi phạm tội thực hiện vào ngày 24/11/2017, tội phạm và hình phạt này được quy định tại khoản 1 điều 138 BLHS năm 1999. Do đó việc khởi tố, truy tố, xét xử bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” là có căn cứ.

[2] Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra Công an huyện CL, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện CL, Kiểm sát viên đã thực hiện chức năng, nhiệm vụ hợp pháp, khách quan, đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Tuy nhiên về điều luật áp dụng tại cáo trạng cũng như đề nghị về áp dụng pháp luật của đại diện Viện kiểm sát

tại phiên tòa, hội đồng xét xử xét thấy mức hình phạt cao nhất quy định tại điều 138 BLHS năm 1999 là tù chung thân, còn mức hình phạt cao nhất về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điều 173 BLHS năm 2015 (Sửa đổi năm 2017) là 20 năm tù và như vậy là nhẹ hơn, có lợi cho bị cáo so với điều 138 BLHS năm 1999. Vì vậy theo quy định tại khoản 3 điều 7 BLHS năm 2015 (Sửa đổi năm 2017), điểm b khoản 1 điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội thì ngoài điều luật Viện kiểm sát truy tố, đề nghị tại phiên tòa, điều luật áp dụng để xét xử vụ án này phải áp dụng khoản 1 điều 173 BLHS năm 2015 (Sửa đổi năm 2017) để xử lý và quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến quyền sở hữu của người khác được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an xã hội trên địa bàn. Trị giá tài sản bị cáo chiếm đoạt là khá lớn, người bị hại là bạn thân của bị cáo nhưng bị cáo đã lợi dụng quan hệ đó để lén lút trộm cắp tài sản của bạn nhiều lần, trong đó có lần bị bạn bắt quả tang, đã bỏ qua, tha thứ nhưng vì tư lợi cá nhân và để có tiền tiêu xài, trả nợ Trần Phúc T vẫn tiếp tục lấy trộm tài sản 01lắc tay bằng vàng của Lê Tuấn A vào sáng ngày 24/11/2017. Tuy chưa có tính chuyên nghiệp nhưng hành vi của bị cáo thể hiện sự tham lam, liêu lĩnh, coi thường pháp luật, phạm tội nhiều lần cần phải được xử lý nghiêm và cách ly ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm đảm bảo giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung. Tuy nhiên trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, hối hận, nhận thức rõ sai phạm, đã nhờ gia đình bồi thường đầy đủ toàn bộ thiệt hại cho người bị hại, bản thân bị cáo chưa có tiền án tiền sự, tuổi đời còn trẻ, trình độ văn hóa, nhận thức pháp luật có phần hạn chế, quan hệ với người bị hại là bạn bè thân thiết, người bị hại tha thiết xin khoan hồng, giảm nhẹ xin xử mức thấp nhất cho bị cáo, khối phố, chính quyền địa phương có ý kiến đề nghị khoan hồng giảm nhẹ cho bị cáo, đó là các tình tiết giảm nhẹ cần đánh giá, xem xét cho bị cáo khi lượng hình.

Căn cứ các tình tiết của vụ án, tính chất, mức độ hành vi phạm tội cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng, nghị cần áp dụng khoản 1 điều 138; điểm g khoản 1 điều 48, điểm b, p khoản 1, khoản 2 điều 46 BLHS năm 1999, khoản 3 điều 7, khoản 1 điều 173 BLHS năm 2015 (Sửa đổi năm 2017), điểm b khoản 1 điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội, xử phạt bị cáo mức án tù từ 24 - 30 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 30/11/2017 như đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp và đủ nghiêm.

Trong vụ án này có Nguyễn Thị T là người đã mua chiếc lắc tay bằng vàng do Trần Phúc T bán nhưng không hề biết tài sản đó là do T trộm cắp mà có nên cơ quan điều tra không xem xét, xử lý trách nhiệm liên quan của Nguyễn Thị T trong vụ án này là đúng pháp luật.

[4] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là người lao động tự do, không ổn định, sống phụ thuộc gia đình nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền quy định tại khoản 5 điều 138 BLHS năm 1999 đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án gia đình bị cáo đã thay bị cáo bồi thường đầy đủ cho bị hại, bị hại không yêu cầu gì thêm nên miễn xét.

[6] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí HSST theo luật định. Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 138; điểm g khoản 1 điều 48; điểm b, p khoản 1, khoản 2 điều 46 BLHS năm 1999, khoản 3 điều 7, khoản 1 điều 173 BLHS năm 2015 (Sửa đổi năm 2017); điểm b khoản 1 điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội, xử phạt **Trần Phúc T 24 (Hai tư)** tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 30/11/2017.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS; khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo phải nộp **200.000** đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Nguyễn Thị Q, vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Nguyễn Thị T. Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh HT;
- VKSND tỉnh HT;
- Trại tạm giam Công an tỉnh HT;
- VKSND huyện CL;
- CQĐT Công an huyện CL;
- Cơ quan THAHS Công an H. CL;
- Chi cục THADS huyện CL;
- Bị cáo; Người bị hại, Người liên quan;
- .- Thi hành án hình sự; Lưu HS vụ án; Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trần Khắc Hoàng

